

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 36.- Những quy định trước đây trái với Pháp lệnh này đều bãi bỏ.

Điều 37.- Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh này.

Pháp lệnh này đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 30 tháng 9 năm 1993.

T.M. Ủy ban Thường vụ Quốc hội
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Chủ tịch

NÔNG ĐỨC MẠNH

CHÍNH PHỦ

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số
63-CP ngày 24-9-1993 về quản
lý Nhà nước đối với hoạt động
kinh doanh vàng.**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Pháp lệnh Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 24 tháng 5 năm 1990;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Nhà nước thừa nhận quyền sở hữu hợp pháp về vàng của mọi tổ chức và cá nhân dưới dạng vàng khối, vàng thỏi, vàng cục, vàng cốm, vàng lá, vàng sa khoáng, vàng gốc, vàng tư trang.

Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được quyền cất giữ, vận chuyển hoặc gửi vàng ở Ngân hàng.

Điều 2.- Ngân hàng Nhà nước là cơ quan quản lý Nhà nước về các hoạt động gia công, chế tác, cầm đồ, mua bán, xuất nhập khẩu vàng; cùng các Bộ, ngành liên quan và các địa phương thực hiện việc quản lý thị trường vàng trong cả nước.

Điều 3.- Các tổ chức và cá nhân muốn kinh doanh vàng phải thành lập doanh nghiệp, hoặc đăng ký kinh doanh.

Các doanh nghiệp muốn kinh doanh vàng phải được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy phép kinh doanh. Ngoài việc thực hiện các quy định về thành lập theo pháp luật về doanh nghiệp Nhà nước, Luật Công ty, Luật Doanh nghiệp tư nhân, các doanh nghiệp còn phải có các điều kiện sau đây:

a) Có vốn pháp định theo quy định của Ngân hàng Nhà nước đối với từng loại doanh nghiệp và từng vùng;

b) Có thợ chuyên môn kỹ thuật;

c) Có trụ sở (cửa hàng), địa chỉ rõ ràng.

Đối với những cá nhân có kỹ thuật và tay nghề cao muốn hành nghề: gia công, chế tác (kim hoàn) thì Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét cho phép.

Điều 4.- Các doanh nghiệp kinh doanh vàng được mua bán vàng khối, vàng thỏi, vàng cục, vàng cốm, vàng lá, vàng sa khoáng, vàng gốc, vàng tư trang; được chế tác, gia công, cầm đồ vàng.

Điều 5.- Việc nhập khẩu vàng do Ngân hàng Nhà nước thực hiện.

Các doanh nghiệp kinh doanh vàng muốn xuất khẩu vàng phải có giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp.

Người Việt Nam và người nước ngoài khi xuất, nhập cảnh có mang theo tư trang bằng vàng phải thực hiện đúng quy định của Điều lệ Quản lý ngoại hối của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 6.- Các doanh nghiệp, cá nhân kinh doanh vàng phải chịu sự kiểm tra, kiểm soát của Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về chấp hành các quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan, kể cả nộp thuế theo luật định.

Điều 7.- Chậm nhất sau 20 ngày kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Tài chính cùng các cơ quan hữu quan có trách nhiệm ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 8.- Sau khi có hướng dẫn của các ngành, trong vòng 60 ngày các doanh nghiệp phải thực hiện việc đăng ký lại theo quy định của Nghị định này. Mọi hoạt động kinh doanh vàng trái với Nghị định này đều bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 9.- Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 38-CP ngày 9-2-1979 của Hội đồng Chính phủ về việc quản lý vàng, bạc, bạch kim, kim cương đối với các xí nghiệp, cơ quan Nhà nước; Quyết định số 39-CP ngày 9-2-1979 của Hội đồng Chính phủ về việc Nhà nước thống nhất quản lý vàng, bạc, bạch kim và kim cương và Quyết định số 139-CT ngày 24-5-1989 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về cho phép các đơn vị kinh tế quốc doanh, tập thể, hộ kinh tế cá thể kinh doanh vàng, bạc, đá quý.

Điều 10.- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ

K.T. Thủ tướng

Phó Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 64-CP ngày 27-9-1993 ban hành bản Quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 14 tháng 7 năm 1993;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp, Bộ trưởng Bộ Thủy sản, Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý ruộng đất,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Ban hành kèm theo Nghị định này bản Quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

Điều 2.- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 3.- Nghị định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 10 năm 1993. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

T.M. Chính phủ

Thủ tướng

VÕ VĂN KIẾT

QUY ĐỊNH về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp

(Ban hành kèm theo Nghị định số 64-CP ngày 27-9-1993 của Chính phủ).

Điều 1.- Hộ gia đình và cá nhân được Nhà nước giao đất nông nghiệp để sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

Toàn bộ đất nông nghiệp đang được sử dụng thì giao hết cho hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp, trừ đất giao cho các tổ chức, đất dùng cho nhu cầu công ích của xã theo Quy định này.

Điều 2.- Đất nông nghiệp giao cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp bao gồm đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản. Các loại đất này gồm cả đất làm kinh tế gia đình trước đây hợp tác xã giao, đất vườn, đất xâm canh, đất trống, đồi núi trọc, đất hoang hóa được xác định để sản xuất nông nghiệp.

Đối với những loại đất nông nghiệp không thể giao cho từng hộ gia đình và cá nhân thì cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân thuê để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

Điều 3.- Việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp theo những nguyên tắc sau đây: